

Số: 1997/QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy
ngành Kinh tế quốc tế

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 1650/QĐ-NHNN ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định 547/QĐ-ĐHNH ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo hệ đại học chính quy ngành Kinh tế quốc tế;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại Biên bản họp ngày 15 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Kinh tế quốc tế (mã ngành: 7310106).



Điều 2. Chương trình đào tạo ban hành nêu tại Điều 1 được áp dụng cho hệ đại học chính quy chuẩn từ khóa tuyển sinh năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng Phòng Quản lý công nghệ thông tin, Trưởng Khoa Kinh tế quốc tế, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên hệ đại học chính quy chuẩn ngành Kinh tế quốc tế từ khóa tuyển sinh năm 2020 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch Hội đồng Trường:
 - Hiệu trưởng:
 - Các Phó Hiệu trưởng:
 - Như Điều 3: để thực hiện;
 - Lưu: VP, P. ĐT.
- để thông tin



Nguyễn Đức Trung



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành theo Quyết định số 1997/QĐ – ĐHNH ngày 16 tháng 10 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM)

Tên chương trình: **KINH TẾ QUỐC TẾ**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **KINH TẾ QUỐC TẾ**

Mã số: **52310106**

Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**

1. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế Quốc tế có kiến thức nền tảng về kinh tế, kinh doanh - quản lý nói chung và có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về kinh tế quốc tế nói riêng; có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực nghiên cứu và kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực kinh tế quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

TT	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	PHÂN LOẠI	
		Tổng quát	Chuyên ngành
PLO1	Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh tế	X	
PLO2	Khả năng tư duy phản biện	X	
PLO3	Khả năng tổ chức, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế	X	

PLO4	Thể hiện tính chủ động và tích cực trong học tập nghiên cứu đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	X	
PLO5	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	X	
PLO6	Khả năng vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế		X
PLO7	Khả năng tham gia xây dựng và phát triển giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế quốc tế		X
PLO8	Khả năng nhận biết, nắm bắt và thích ứng với các xu hướng thay đổi trong ngành Kinh tế quốc tế		X

3. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các môn học

Chuẩn đầu ra		PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8
ST T	Tên môn học								
1.	Triết học Mác – Lênin	X	X	X					
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	X	X	X					
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	X	X	X					
4.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>	X	X	X					
5.	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific socialism</i>	X	X	X					
6.	Toán cao cấp 1	X	X				X		
7.	Toán cao cấp 2	X	X				X		
8.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	X	X				X		
9.	Pháp luật đại cương/General Law	X	X				X		
10.	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Methodology</i>	X	X		X				

11.	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	X	X	X					
12.	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	X		X		X			
13.	Logic học/ <i>Logics</i>	X	X	X					
14.	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	X	X		X				
15.	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	X	X		X				
16.	Nhập môn ngành Kinh tế Quốc tế/ <i>Introduction to International Economics</i>					X	X		X
17.	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	X				X	X		
18.	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	X		X					
19.	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	X		X		X			
20.	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	X	X		X				
21.	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	X		X	X				
22.	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	X	X						X
23.	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>			X	X		X		
24.	Lý thuyết tài chính - tiền tệ/ <i>Theory of Finance and Money</i>			X			X		X
25.	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>					X	X		X
26.	Tiếng Anh chuyên ngành 1/ <i>English for specific purposes 1</i>			X	X				X
27.	Tiếng Anh chuyên ngành 2/ <i>English for specific purposes 2</i>			X	X				X
28.	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ <i>History of Economic Thought</i>	X	X		X				
29.	Kinh tế học phát triển/ <i>Economics of Development</i>	X	X				X		
30.	Kinh tế học công cộng/ <i>Public Economics</i>	X	X				X		
31.	Kinh tế vi mô 2/ <i>Microeconomics 2</i>						X	X	X
32.	Kinh tế vĩ mô 2/ <i>Macroeconomics 2</i>						X	X	X

33.	Tài chính quốc tế/ <i>International Finance</i>						X	X	X
34.	Đầu tư quốc tế/ <i>International Investment</i>						X	X	X
35.	Kinh tế lượng ứng dụng (dành cho ngành KTQT)/ <i>Applied Econometrics (for International Economics)</i>		X				X	X	
36.	Kinh tế học hội nhập quốc tế/ <i>Economics of International Integration</i>						X	X	X
37.	Kinh tế học đầu tư/ <i>Investment Economics</i>	X					X		X
38.	Chính sách thương mại quốc tế/ <i>International Trade Policy</i>						X	X	X
39.	Kinh doanh quốc tế/ <i>International Business</i>						X	X	X
40.	Kỹ thuật ngoại thương/ <i>Foreign Trade Operations</i>					X	X	X	
41.	Tài chính phát triển/ <i>Development Finance</i>						X	X	X
42.	Kinh tế thị trường mới nổi/ <i>Emerging Market Economies</i>		X				X		X
43.	Kinh tế học vĩ mô quốc tế/ <i>International Macroeconomics</i>						X	X	X
44.	Kinh tế học quản lý/ <i>Managerial Economics</i>	X					X	X	
45.	Chiến lược kinh doanh quốc tế/ <i>International Business Strategy</i>			X			X		X
46.	Logistics quốc tế/ <i>International Logistics</i>			X			X		X
47.	Đàm phán kinh doanh quốc tế/ <i>International Business Negotiations</i>	X	X	X		X	X		
48.	Thanh toán quốc tế/ <i>International Payment</i>					X	X	X	X
49.	Học phần thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>				X	X	X		X
50.	Học phần khóa luận tốt nghiệp/ <i>Research Paper</i>				X	X	X	X	X
51.	Quản trị dự án quốc tế/ <i>International Project</i>			X			X	X	

	<i>Management</i>							
52.	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số/ <i>Entrepreneurship In The Digital Age</i>					X	X	X
53.	Bảo hiểm/ <i>Insurance</i>					X	X	X
54.	Thương mại điện tử/ <i>Electronic Commerce</i>					X	X	X
55.	Quản trị chuỗi cung ứng/ <i>Supply Chain Management</i>			X		X		X

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

– Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, kinh doanh và đầu tư quốc tế: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể trở thành chuyên viên trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước ở các vị trí có liên quan đến KTQT như:

- Chuyên viên kinh doanh xuất nhập khẩu, logistics, phát triển thị trường quốc tế tại các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp FDI, công ty đa quốc gia...
- Chuyên viên thanh toán quốc tế tại các ngân hàng thương mại
- Chuyên viên hoạch định tài chính quốc tế, phân tích và tư vấn đầu tư quốc tế tại các công ty đa quốc gia, quỹ đầu tư quốc tế...

– Các tổ chức, định chế KTQT: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể trở thành chuyên viên làm việc trong các tổ chức quốc tế như ADB, IMF, World Bank, NGOs...

– Các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực KTQT: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể trở thành chuyên viên phụ trách mảng thương mại và đầu tư quốc tế trong các cơ quan như Bộ Công thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao, Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ...

– Các trường đại học, viện nghiên cứu: Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên, đảm trách công tác giảng dạy, nghiên cứu và tư vấn các vấn đề liên quan đến KTQT.

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 123 đơn vị tín chỉ (đvtc), không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng.

6. Đối tượng tuyển sinh

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

8. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh

8.1. Chương trình đào tạo “Kinh tế quốc tế” của Trường Đại học British Columbia, Canada.

8.2. Chương trình đào tạo “Kinh tế quốc tế” của Trường Đại học Quốc tế Schiller, Mỹ.

8.3. Chương trình đào tạo “Kinh tế quốc tế” của Trường Đại học Công nghệ Texas, Mỹ.

8.4. Chương trình đào tạo “Kinh tế quốc tế” của Trường Đại học Belmont, Mỹ.

8.5. Chương trình đào tạo “Kinh tế đối ngoại” của Trường Đại học Ngoại thương, Việt Nam.

8.6. Chương trình đào tạo “Kinh tế đối ngoại” của Trường Đại học Kinh tế - Luật, Việt Nam.

9. Cách thức đánh giá

Cách thức đánh giá toàn bộ khóa học được dựa trên kết quả học tập của các học phần trong toàn bộ khóa học và mức độ đánh giá theo quy định chung của Trường.

10. Kết cấu và nội dung chương trình

10.1. Kết cấu chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục đại cương	11	25	20,3
2	Giáo dục chuyên nghiệp	31	98	79,7
2.1	<i>Cơ sở ngành</i>	15	44	35,8
2.2	<i>Ngành</i>	7	21	17,1
2.3	<i>Chuyên ngành</i>	9	33	26,8
	Tổng cộng	42	123	100%

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

STT	Môn học (Học phần)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Học kỳ phân bổ
			Lý	Thực	Khác	Cộng	

			thuyết	hành /Bài tập			
1. Kiến thức giáo dục đại cương							
1.1.1	Triết học Mác – Lênin/ <i>Philosophy of Marxism and Leninism</i>	Triết học Mác – Lênin là môn học cơ bản, cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thể giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Môn học góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp.	30	15	0	45	I
1.1.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là môn khoa học kinh tế, là một bộ phận cấu thành của khoa học Mác – Lênin. Nó nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội.	25	5	0	30	I
1.1.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologie</i>	Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học cơ bản, bao gồm 6 chương, cung	15	15	0	30	III

	<i>s of Ho Chi Minh</i>	cấp các kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, giúp người học nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.					
1.1.4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cơ bản, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.	25	5	0	30	III
1.1.5	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ <i>Scientific socialism</i>	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hhủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận cách mạng của Đảnếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.	25	5	0	30	II

1.1.6	Toán cao cấp 1	Môn học trang bị các kiến thức toán cao cấp về đại số tuyến tính ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector R^n , phép biến đổi tuyến tính; chéo hóa ma trận và dạng toàn phương. Học xong môn học này, sinh viên có thể chuyển hóa các dạng bài toán kinh tế sang hệ phương trình hoặc ma trận để xử lý.	30	0	0	30	I
1.1.7	Toán cao cấp 2	Môn học trang bị các kiến thức toán về giải tích ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; giới hạn, liên tục, đạo hàm riêng và vi phân toàn phần, cực trị tự do và cực trị có điều kiện của hàm số nhiều biến số; một số dạng phương trình vi phân cấp 1, cấp 2. Học xong môn học này, sinh viên có thể áp dụng để thực hiện các tính toán trong kinh tế, xác định điểm tối ưu và giá trị tối ưu của hàm mục tiêu...	30	0	0	30	II
1.1.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	Lý thuyết xác suất và thống kê toán thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học trang bị cho sinh viên nền tảng căn bản và các công cụ xác suất thống kê để tiếp cận với khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Giúp sinh viên bước đầu vận dụng kiến thức môn học trong các lĩnh vực kinh	30	15	0	45	II



		tế, tài chính - ngân hàng, quản trị và hệ thống thông tin quản lý.					
1.1.9	Pháp Luật Đại Cương/ <i>General Law</i>	Pháp luật đại cương là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan tới quy luật hình thành, phát triển và bản chất của nhà nước và pháp luật. Nội dung chính đề cập đến: các vấn đề lý luận và thực tiễn của nhà nước và pháp luật nói chung, tới nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; những khái niệm cơ bản của pháp luật như vi phạm pháp luật, quy phạm pháp luật...; hệ thống pháp luật và những thành tố cơ bản của nó. Kết thúc môn học sinh viên cần hiểu được hành vi thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật từ đó có tinh thần trách nhiệm, ý thức tuân thủ pháp luật trong công việc và cuộc sống.	30	0	0	30	II
1.1.1 0	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Methodology</i>	Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học kiến thức cơ sở khối ngành được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Cụ thể, môn học sẽ giới thiệu cơ bản về vấn đề nghiên cứu, vai trò của nghiên cứu, cách thức xác định vấn đề nghiên cứu, thực hiện lược khảo tài liệu và các nghiên cứu trước	30	7.5	7.5	45	IV

		có liên quan; đặt câu hỏi nghiên cứu; đạo đức trong nghiên cứu, cách trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo; thu thập số liệu và chọn mẫu; cách trình bày dữ liệu và lựa chọn thiết kế nghiên cứu với các dạng dữ liệu; cách viết đề cương và báo cáo nghiên cứu.					
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau)						
1.1.1 1	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học đại cương về văn hóa Việt Nam. Môn học có ý nghĩa thiết thực, giúp sinh viên nhận thức rõ bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao lòng yêu nước, tự hào về truyền thống dân tộc; biết tự định hướng trong thế giới thông tin đa dạng, đa chiều hiện nay, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại trên nền tảng bảo tồn và phát triển những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và con người Việt Nam một cách chủ động, tích cực. Bên cạnh đó, học phần này còn giúp sinh viên sử dụng những kiến thức về văn hóa áp dụng vào trong giao tiếp ứng xử trong cuộc sống và ngành nghề trong tương lai.	25	5	0	30	I
1.1.1 2	Tâm lý học/ <i>Psychology</i>	Tâm lý học là môn khoa học xã hội, nghiên cứu các vấn đề về bản chất tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm	25	5	0	30	I

		lý người, sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; phân tích các thành phần trong hoạt động nhận thức của con người, nghiên cứu các yếu tố trong đời sống tình cảm, ý chí và các thành tố tạo nên nhân cách cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.					
1.1.1 3	Logic học/ <i>Logics</i>	Logic học là môn học thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương được xây dựng để cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về các hình thức và quy luật của tư duy. Môn học giúp nâng cao khả năng tư duy của người học, cụ thể là giúp người học biết cách tuân thủ các quy luật, quy tắc logic trong suy nghĩ, tranh luận, trình bày ý kiến; giúp họ phân biệt được suy luận đúng hay sai; giúp nhận ra và tránh nguy hiểm, biết cách định nghĩa các khái niệm và thuật ngữ, biết cách chứng minh hoặc bác bỏ một quan điểm, luận đề	25	5	0	30	I
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
2.1. Kiến thức cơ sở ngành							
	Học phân bắt buộc						
2.1.1	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	Kinh tế học vi mô là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như:	30	15	0	45	I

		Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: Mười nguyên lý kinh tế học; các lý thuyết về cung – cầu; các cấu trúc thị trường; lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp					
2.1.2	Kinh tế học vĩ mô/ <i>Macroeconomics</i>	Kinh tế học vĩ mô là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết về các khái niệm kinh tế vĩ mô cơ bản, cách thức đo lường các chỉ tiêu của nền kinh tế vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; (ii) hiểu biết về các chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học gồm 8 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: tổng quan về kinh tế học vĩ mô, dữ liệu kinh tế vĩ mô, sản xuất và tăng trưởng, hệ thống tiền tệ, tổng cầu và tổng cung, chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế học vĩ mô của nền kinh tế mở.	30	15	0	45	I
2.1.3	Nhập môn ngành Kinh tế Quốc tế/ <i>Introduction to International Economics</i>	Nhập môn ngành Kinh tế Quốc tế là môn học khơi gợi sự hứng thú cho sinh viên đối với lĩnh vực của ngành, giúp sinh viên hiểu	10.5	10.5	9	45	IV

		được sự liên hệ của chương trình đào tạo với môi trường ngành kinh tế quốc tế và các cơ hội nghề nghiệp trong môi trường này. Môn học cũng cung cấp các kỹ năng học tập cần thiết để sinh viên vận dụng trong quá trình học nhằm đem lại kết quả học tập tốt nhất. Các kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp được giới thiệu nhằm giúp sinh viên định hướng rèn luyện để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong tương lai.					
2.1.4	Nguyên lý kế toán / <i>Principles of Accounting</i>	Nguyên lý kế toán là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán bao gồm: khái niệm, đối tượng, vai trò, các nguyên tắc và hệ thống các phương pháp của kế toán. Đồng thời vận dụng các kiến thức đó để thực hiện quy trình kế toán các nghiệp vụ kinh tế trong doanh nghiệp. Ngoài ra môn học cũng giới thiệu tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.	30	15	0	45	II
2.1.5	Kinh tế học quốc tế / <i>International Economics</i>	Kinh tế học quốc tế là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: - Hiểu biết về các khái niệm kinh tế học quốc tế, các lý thuyết và mô hình kinh tế quốc tế.	30	7.5	7.5	45	III

		- Hiểu biết về các chính sách và các công cụ nhằm thực thi chính sách của chính phủ trong việc điều hành hoạt động kinh tế quốc tế. - Hiểu biết về các chính sách và các công cụ nhằm thực thi chính sách của chính phủ trong việc o đổi hàng hóa, dịch vụ và sự di chuyển các nguồn lực kinh tế (lao động, vốn). Môn học cung cấp hệ thống các học thuyết kinh tế quốc tế, các công cụ chính sách thương mại quốc tế và những phân tích cơ bản về cán cân thanh toán quốc tế và tỷ giá hối đoái.					
2.1.6	Luật kinh doanh <i>/Business Law</i>	Môn học gồm 5 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh doanh, quyền tự do kinh doanh; Pháp luật về chủ thể kinh doanh; Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh; Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Ngoài ra, môn học Luật kinh doanh còn giúp sinh viên có khả năng nhận diện được các quy định của pháp luật để áp dụng cho việc tra cứu và sử dụng giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn. Đây là môn học cơ sở, thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Kinh tế quốc tế của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí	30	15	0	45	III

IÀ
 TRU
 ĐONG
 ANH
 CHỈ
 ★

		Minh.					
2.1.7	Quản trị học/ <i>Fundamentals of Management</i>	Môn học được xây dựng tạo nền tảng về công việc quản trị trong tổ chức. Đây là học phần kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế. Nội dung tập trung giới thiệu cơ bản về các khái niệm và thực tiễn quản trị trong các tổ chức. Các chủ đề môn học bao gồm một số cách tiếp cận đến các chức năng cơ bản của quản trị bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Các xu hướng về lý thuyết và chức năng quản lý cũng được đánh giá, cũng như nghiên cứu quản lý và ứng dụng vào thực tiễn quản lý và các khía cạnh có trách nhiệm, đạo đức và toàn cầu trong thực tiễn kinh doanh hiện tại. Kết quả học tập cho khóa học này, khi hoàn thành thành công, bao gồm khả năng: 1) hiểu các khái niệm và lý thuyết cơ bản trong quản lý hiện đại, 2) hiểu vai trò ra quyết định, tổ chức, cách quản trị và lãnh đạo, 3) hiểu được vai trò của quá trình truyền thông trong quản trị, 4) Hiểu được tác động của môi trường vào công việc quản trị, và 5) hiểu được những thách thức trong việc tiến hành quản trị kinh doanh trong cộng đồng toàn cầu.	30	10	5	45	I
2.1.8	Nguyên lý Marketing/ <i>Principles of</i>	Môn học được xây dựng trên cơ sở các nguyên lý cơ bản của	25	15	5	45	II

	<i>Marketing</i>	marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp					
2.1.9	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	Kinh tế lượng là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp ước lượng OLS, suy diễn thống kê và dự báo, cách kiểm định và lựa chọn mô hình. Môn học này là tiền đề cho môn Kinh tế lượng nâng cao.	25	10	10	45	IV
2.1.10	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>	Môn học rất cần thiết, trang bị một số kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên khối ngành kinh tế - quản trị - quản lý của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM sử dụng tốt máy tính phục vụ cho học tập, nghiên cứu và làm	30	0	15	45	III

		việc của mình. Sau khi học xong môn học, sinh viên nắm được các kiến thức, kỹ năng cơ bản, sử dụng được các phần mềm MS Word, MS Excel, SPSS, và các phần mềm khác để soạn thảo các văn bản chất lượng cao, lập được các bảng tính phức tạp, giải được một số bài toán trong phân tích tài chính, phân tích kinh doanh, phân tích dữ liệu và quản lý dự án, phục vụ trực tiếp cho học tập, nghiên cứu và làm việc sau này					
2.1.1 1	Lý thuyết tài chính - tiền tệ/ <i>Theory of Finance and Money</i>	Lý thuyết tài chính tiền tệ là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, bao gồm 14 chương, nhằm hướng đến các mục tiêu giúp sinh viên: hiểu và vận dụng được những vấn đề lý luận cơ bản về tiền tệ, tài chính và hệ thống tài chính; hiểu được cơ cấu tổ chức, chức năng, vai trò của hệ thống định chế tài chính trung gian, trong đó tập trung vào ngân hàng thương mại; hiểu và vận dụng được những lý luận cơ bản về lưu thông tiền tệ như: ngân hàng trung ương, cung cầu tiền tệ, lạm phát, chính sách tiền tệ. Để đạt được các mục tiêu trên, nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính - tiền tệ như: tổng quan về tài chính - tiền tệ, ngân sách nhà nước; những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị	25	15	5	45	II

		trường tài chính; các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, lạm phát và chính sách tiền tệ ... Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng.					
2.1.1 2	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	Tài chính doanh nghiệp là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý tài chính doanh nghiệp; sinh viên sẽ được tiếp cận các nguyên lý và ứng dụng các mô hình tài chính để xử lý các bài tập cũng như nghiên cứu tình huống liên quan đến các quyết định tài chính chủ yếu trong doanh nghiệp, bao gồm quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định quản trị tài sản. Nội dung của môn học sẽ lần lượt đề cập đến các chủ đề như tổng quan về tài chính doanh nghiệp, giá trị của tiền theo thời gian, lợi nhuận và rủi ro, chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy và các lý thuyết về cơ cấu vốn. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn sử dụng các phương tiện hỗ trợ xử lý số liệu như máy tính (calculator) và phần mềm excel.	30	15	0	45	III
2.1.1 3	Tiếng Anh chuyên ngành 1 <i>English for specific purposes 1</i>	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp từ vựng, thuật ngữ, khái niệm sử dụng trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, thương mại; các cấu trúc ngữ pháp	15	30	0	45	III



		tiếng Anh. Môn học tạo điều kiện cho sinh viên tự tin phát huy kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Anh trong môi trường hội nhập quốc tế.					
2.1.1 4	Tiếng Anh chuyên ngành 2 <i>/English for specific purposes 2</i>	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp từ vựng, thuật ngữ, các khái niệm trong ngữ cảnh kinh tế quốc tế và các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh. Môn học cung cấp các bài đọc có độ dài vừa phải được trích từ các bài báo chuyên ngành với nội dung và thể loại đa dạng tạo điều kiện cho sinh viên tự tin phát huy kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Anh trong môi trường hội nhập quốc tế.	15	30	0	45	IV
	Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau)						
2.1.1 5	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ <i>History of Economic Thought</i>	Lịch sử các học thuyết kinh tế là một trong những môn học tự chọn nằm trong khối kiến thức cơ sở khối ngành. Mục đích của môn học nhằm hướng tới việc cung cấp khái quát quá trình hình thành và phát triển các học thuyết kinh tế trên thế giới; hiểu nội dung của các học thuyết kinh tế cũng như biết được sự kế thừa và phát triển của các học thuyết hiện đại từ các học thuyết trước theo từng giai đoạn phát triển lịch sử xã hội. Với mục đích này, môn học tìm hiểu về quá trình hình thành, phát sinh, phát triển, đấu tranh và thay thế lẫn nhau của	45	0	0	45	III

		các học thuyết kinh tế qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội.					
2.1.1.1 6	Kinh tế học phát triển / <i>Economics of Development</i>	Kinh tế học phát triển là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Đây là một chuyên ngành kinh tế chuyên biệt chuyên nghiên cứu về các vấn đề tăng trưởng và phát triển ở các nước đang phát triển. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết các khái niệm về tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế, cách thức đo lường các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế; (ii) hiểu biết được tầm quan trọng của việc sử dụng và phân bổ hiệu quả các nguồn lực nhằm duy trì tăng trưởng kinh tế và sự phù hợp giữa cơ chế kinh tế, xã hội, chính trị, thể chế nhằm cải thiện nhanh chóng, trên quy mô rộng đời sống của đại bộ phận dân nghèo ở các nước đang phát triển. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học gồm 6 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học phát triển, bao gồm: những vấn đề lý luận chung về tăng trưởng và phát triển, các lý thuyết các mô hình phát triển kinh tế, các nguồn lực quyết định trong tăng trưởng và phát triển kinh tế, các vấn đề phát triển trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại quốc tế.	25	15	5	45	III



		Ngoài ra, sinh viên có thể thực hành một số kỹ năng cần thiết như: kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm.					
2.1.1 7	Kinh tế học công cộng <i>/Public Economics</i>	Kinh tế học công cộng là môn học tự chọn (chọn mình tế học công cộng là môn học tự chọn (chọn các vấn đề tăng trưởng và phát triển ở các nước đang phát triển. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết các khái niệm về tăng trưởng, (ii) hiểu biết về vai trò của khu vực công và tác động của chính sách công trong nền kinh tế hỗn hợp, cụ thể là sửa chữa những thất bại của thị trường và thực thi các chính sách an sinh xã hội. Môn học gồm 6 chương: Kinh tế công cộng trong nền kinh tế hỗn hợp; Kinh tế học phúc lợi: hiệu quả và công bằng; Hàng hóa công và hàng hóa tư do khu vực công cung cấp; Ngoại tác; Phạm vi ảnh hưởng của thuế: ai thực sự nộp thuế; Các chương trình chi tiêu công.	30	7.5	7.5	45	III
2.2. Kiến thức ngành							
	Học phần bắt buộc						
2.2.1	Kinh tế vi mô 2 <i>/Microeconomic s 2</i>	Môn học này là sự tiếp nối của môn Kinh tế học vi mô giai đoạn đại cương, tuy nhiên nhấn mạnh vào tính ứng dụng của các lý thuyết kinh tế. Các vấn đề lý thuyết về sản xuất và tiêu dùng có thể được	20	7.5	7.5	45	IV

		vận dụng trong việc ra quyết định kinh tế là một nội dung quan trọng của môn học. Môn học cũng cho thấy có thể đạt được hiệu quả tối ưu trong điều kiện cân bằng tổng thể của thị trường cạnh tranh và chỉ ra những ví dụ về thất bại thị trường vốn là cơ sở cho những biện pháp điều chỉnh của chính phủ. Môn học gồm các phần sau: Phần đầu chú trọng vào việc nghiên cứu cách thức đưa ra quyết định duy lý và mô hình hóa các hành vi thị trường liên quan; so sánh phúc lợi được tạo ra trên các cấu trúc thị trường khác nhau. Phần sau của học phần sẽ đề cập đến tình trạng thông tin bất cân xứng, lý thuyết trò chơi và các ứng dụng của nó.					
2.2.2	Kinh tế vĩ mô 2 <i>/Macroecomics 2</i>	Kinh tế vĩ mô 2 là môn học trang bị kiến thức để sinh viên có thể phân tích sâu hơn về các chính sách kinh tế vĩ mô của Việt Nam cũng như các nước trên thế giới. Các chủ đề chính bao quát các mô hình và các chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng. Các vấn đề và các cuộc tranh luận về chính sách kinh tế vĩ mô hiện nay trên thế giới	30	7.5	7.5	45	V
2.2.3	Tài chính quốc tế <i>/International Finance</i>	Tài chính quốc tế cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế theo hướng tiếp cận phân tích kinh tế và ứng dụng của tài chính	30	15	0	45	IV

		quốc tế trong hoạt động kinh doanh ngày nay. Cấu trúc môn học gồm 3 phần chính. Phần I bao gồm các cơ sở lý thuyết nền tảng của tài chính quốc tế. Phần này sẽ làm rõ và nhấn mạnh mối liên kết chặt chẽ và tương tác liên tục giữa các thị trường và nền kinh tế các nước thông qua các lý thuyết về quan hệ ngang bằng quốc tế giữa giá cả, lãi suất và tỷ giá. Các yếu tố tác động tỷ giá, mô hình tiền tệ về tỷ giá, và các phương pháp dự báo tỷ giá cũng được làm rõ trong phần I. Phần II khảo sát khung cảnh và cấu trúc môi trường tiền tệ và tài chính toàn cầu. Trong phần này, hệ thống tiền tệ quốc tế và thể chế tài chính toàn cầu, cũng như hệ thống các thị trường tiền tệ tài chính toàn cầu là các nội dung sẽ được phân tích. Phần này cũng đề cập vấn đề lưu chuyển vốn quốc tế và kiểm soát lưu chuyển vốn quốc tế của chính phủ các nước. Phần III sẽ chú trọng đến thực hành tài chính quốc tế trong kinh doanh toàn cầu, trong đó hoạt động tài chính của doanh nghiệp quốc tế và quản trị rủi ro tỷ giá sẽ được làm rõ. Ngoài ra, sinh viên thực hành thảo luận xử lý tình huống phân tích ứng dụng liên quan đến quan hệ tài chính quốc tế và rủi ro tỷ giá trong các hoạt động thương					
--	--	--	--	--	--	--	--

		mại và đầu tư quốc tế.					
2.2.4	Đầu tư quốc tế <i>/International Investment</i>	Môn học Đầu tư quốc tế là môn thuộc khối kiến thức ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Kinh tế Quốc tế. Môn học cung cấp khung lý thuyết, công cụ hoạch định và các chiến lược tiến hành hoạt động đầu tư quốc tế. Môn học giúp sinh viên tìm hiểu môi trường đầu tư quốc tế cũng như các yếu tố tác động đến quyết định đầu tư quốc tế. Môn học chú trọng đến việc giới thiệu khung lý thuyết nền tảng tác động đến hoạt động đầu tư quốc tế và phân tích tình huống hoạt động đầu tư quốc tế tại các doanh nghiệp quốc tế.	30	7.5	7.5	45	V
2.2.5	Kinh tế lượng ứng dụng (dành cho ngành KTQT) <i>/Applied Econometrics (for International Economics)</i>	Môn học Kinh tế lượng ứng dụng là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế Quốc tế. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương pháp và mô hình kinh tế lượng được ứng dụng trong nghiên cứu lĩnh vực kinh tế quốc tế, gồm: mô hình chuỗi thời gian đơn biến, mô hình vector tự hồi qui (VAR), mô hình đồng liên kết và hiệu chỉnh sai số, mô hình hồi qui dữ liệu bảng. Môn học được tiếp cận từ góc độ ứng dụng, gắn liền với sử dụng các phần mềm kinh tế lượng chuyên dụng bao gồm EViews, Stata, R. Các bài giảng được xây dựng nhằm giới thiệu	20	0	15	45	V

		những mô hình cụ thể, các kỹ thuật cần thiết để thực hiện ước lượng và dự báo. Các bài thực hành trên bộ dữ liệu thực tế được cấu trúc đi kèm bài giảng nhằm đảm bảo sinh viên có thể hiểu và thực hiện.					
	Học phần tự chọn: (SV chọn 1 trong 2)						
2.2.6.a	Kinh tế học hội nhập quốc tế <i>/Economics of International Integration</i>	Môn học kinh tế học hội nhập quốc tế giúp sinh viên tìm hiểu và cập nhật về các xu hướng phát triển của quan hệ kinh tế quốc tế nhấn mạnh đến mối tương quan giữa các liên kết kinh tế khu vực và hệ thống thương mại đa phương. Môn học gồm có hai chủ đề chính. Chủ đề thứ nhất tập trung nghiên cứu các vấn đề cơ bản về hệ thống thương mại đa phương. Liên quan đến hệ thống thương mại đa phương với vai trò thiết lập hệ thống qui tắc cho các chính sách thương mại, môn học giới thiệu về WTO và phân tích một số nguyên tắc cơ bản của WTO qua các tình huống cụ thể, giới thiệu một số qui định cơ bản liên quan đến ba trụ cột chính trong các hiệp định của WTO là GATT, GATS và TRIPS. Chủ đề thứ hai phân tích các liên kết kinh tế khu vực trong mối liên quan đến hệ thống thương mại đa phương; tìm hiểu về các cấp độ liên kết khu vực, phân tích các tác động	30	7.5	7.5	45	V

		của các cấp độ liên kết theo các mô hình lý thuyết và các minh họa thực tế. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng tìm hiểu chi tiết về các FTA Việt Nam đang là thành viên.					
2.2.b	Kinh tế học đầu tư / <i>Investment Economics</i>	Kinh tế học Đầu tư là môn học tùy chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Kinh tế Quốc tế. Các chủ đề chính của môn học bao gồm: (1) Môi trường đầu tư; (2) Hoạt động kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp; (3) Phân tích và định giá doanh nghiệp; (4) Quản lý danh mục đầu tư.	30	7.5	7.5	45	V
2.3. Kiến thức chuyên ngành (nếu có)							
	Học phần bắt buộc						
2.3.7	Chính sách thương mại quốc tế / <i>International Trade Policy</i>	Môn học Chính sách thương mại quốc tế là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Môn học đem lại cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng về phân tích chính sách và hệ thống các công cụ của chính sách thương mại quốc tế (các thỏa thuận thương mại tự do, thuế quan, hạn ngạch, trợ cấp, bán phá giá, các biện pháp hành chính, kỹ thuật). Chính sách thương mại quốc tế đặc thù của nhóm các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam cũng được đánh giá và phân tích. Bên cạnh việc phân tích lý thuyết về các chính sách và công cụ, những phân tích tình huống thực tế trong thực hành chính sách thương mại cũng	30	15	0	45	V

		được trang bị như: các nghĩa vụ theo WTO, đàm phán TPP (CP-TPP), chiến lược thương mại quốc tế của Việt Nam, chiến lược thương mại quốc tế của Hoa Kỳ.					
2.3.8	Kinh doanh quốc tế <i>/International Business</i>	Kinh doanh Quốc tế là môn thuộc khối kiến thức ngành, trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp người học nhận thức đầy đủ về đặc điểm của môi trường kinh doanh quốc tế, về cơ sở phân tích và lựa chọn chiến lược kinh doanh phù hợp trong nền kinh tế toàn cầu sôi động hiện nay. Phần đầu nội dung môn học bao quát các chủ đề về bản chất và đặc trưng của môi trường kinh doanh ở cấp độ quốc gia lẫn quốc tế, như môi trường kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa, thương mại, đầu tư, tiền tệ. Phần II nhấn mạnh về cơ sở phân tích và lựa chọn chiến lược kinh doanh quốc tế và phương thức thâm nhập thị trường nước ngoài của doanh nghiệp.	30	7.5	7.5	45	V
2.3.9	Kỹ thuật ngoại thương <i>/Foreign Trade Operations</i>	Môn học Kỹ thuật ngoại thương là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành định hướng thực hành và phân tích ứng dụng. Môn học này bao gồm những nội dung về nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá như: lựa chọn phương thức giao dịch, đàm phán ký kết hợp đồng, trình tự thực hiện	30	7.5	7.5	45	VI

		hợp đồng thương mại quốc tế, thủ tục tiến hành và các chứng từ liên quan tới giao dịch ngoại thương. Bên cạnh đó, môn học hướng người học đến những lĩnh vực liên quan như vận tải quốc tế, bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế và tranh chấp trong giao dịch ngoại thương.					
2.3.1 0	Học phần tự chọn: SV chọn 1 trong 2 định hướng sau:						
	Kiến thức chuyên ngành: Định hướng quản lý và phân tích chính sách						
2.3.1 0.1a	Tài chính phát triển /Development Finance	Tài chính phát triển là một môn học hệ thống hóa kiến thức về vai trò và mối quan hệ giữa tài chính với quá trình phát triển kinh tế. Cụ thể, phần 1 của môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về mối quan hệ giữa tài chính và phát triển kinh tế; phần 2 giúp sinh viên vận dụng những kiến thức căn bản trong các môn học tiền đề để giải quyết các tình huống liên quan như: phân tích cung – cầu vốn trong một số lĩnh vực tài trợ phát triển (tài trợ phát triển nhà; tài trợ phát triển cơ sở hạ tầng...).	22.5	22.5	0	45	VI
2.3.1 0.2a	Kinh tế thị trường mới nổi /Emerging Market Economies	Môn học Kinh tế Thị trường Mới nổi (EMEs) cung cấp kiến thức về môi trường kinh tế xã hội và thực hành kinh doanh tại các nước có	30	15	0	45	VI



		tốc độ tăng trưởng nhanh, kéo dài trên thế giới. Các nước này là động lực phát triển quan trọng của kinh tế thế giới hiện nay. Tuy nhiên, các nước có tốc độ tăng trưởng nhanh, kéo dài trên thế giới. Các nước này là động lực phát triển quan trọng của kinh tế thế giới hiện nay. Tuy nhiên, của các doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh, kéo dài trên thích ứng với sự thay đổi đó để giúp các quốc gia EMEs phát triển nhanh, bền vững trong tương lai.					
2.3.1 0.3a	Kinh tế học vĩ mô quốc tế <i>/International Macroeconomics</i>	Kinh tế học vĩ mô quốc tế là môn học tự chọn trong khối kiến thức ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Kinh tế Quốc tế. Môn học tìm hiểu các lý thuyết, mô hình kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở. Các lý thuyết và mô hình này sau đó được sử dụng để phân tích những vấn đề kinh tế vĩ mô quốc tế bao gồm xác định cán cân vãng lai, chế độ tỷ giá, lưu chuyển vốn quốc tế, hiệu lực của các chính sách vĩ mô. Môn học cũng thảo luận các nghiên cứu thực nghiệm và chính sách được các chính phủ thực thi để người học hiểu rõ hơn về tính ứng dụng của các mô hình lý thuyết trong thực tế	30	15	0	45	VI
2.3.1 0.4a	Kinh tế học quản lý <i>/Managerial Economics</i>	Kinh tế học quản lý là môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành định hướng thực	30	7.5	7.5	45	VI

		hành và phân tích ứng dụng. Môn học này nghiên cứu cách vận dụng các lý thuyết kinh tế vào thực tiễn quản lý để phân tích và ra quyết định, giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu trong điều kiện khan hiếm về nguồn tài học quản lý là môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành định hướng thực hành và phân tích ứng dụng. Môn học này nghiên cứu cách vận dụng các lý thuyết việc ra quyết định của doanh nghiệp về sản lượng và giá bán trước các đối thủ cạnh tranh trong các cấu trúc thị trường: cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, độc quyền nhóm...đồng thời hỗ trợ các chiến lược, chiến thuật đặc biệt cho các doanh nghiệp thông qua lý thuyết trò chơi.					
2.3.1 0.b	Kiến thức chuyên ngành: Định hướng quản trị và thương mại quốc tế						
2.3.1 0.1b	Chiến lược kinh doanh quốc tế <i>/International Business Strategy</i>	Chiến lược kinh doanh quốc tế là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành Kinh tế Quốc tế. Môn học này hệ thống các lý thuyết cũng như thực tiễn về chiến lược kinh doanh của các công ty đa quốc gia. Qua đó trang bị các kiến thức cơ bản về tổ chức hoạch định và triển khai chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp quốc tế, từ cấp độ chiến lược toàn cầu của tổng công ty đến	30	7.5	7.5	45	VI

		các đơn vị kinh doanh cấp quốc gia. Đồng thời, giúp sinh viên tiếp cận chiến lược trong phân tích các chức năng hoạt động kinh doanh quốc tế, từ thiết kế sản phẩm, quản trị nguồn nhân lực, đến quản lý sản xuất, quản lý tài chính, thuế và kế toán của doanh nghiệp đa quốc gia.					
2.3.1 0.2b	Logistics quốc tế/ <i>International Logistics</i>	Môn học Logistics quốc tế là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành định hướng thực hành và phân tích ứng dụng. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoạt động logistics quốc tế và quản trị chuỗi cung ứng quốc tế. Cụ thể, môn học đi sâu tìm hiểu về các nghiệp vụ vận tải quốc tế, quy cách đóng gói hàng hóa vận tải quốc tế, bảo hiểm trong ngoại thương, thủ tục hải quan và an ninh logistics quốc tế. Bên cạnh đó, cùng với xu thế toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng và nhu cầu về tính hiệu quả trong chuỗi cung ứng quốc tế, môn học cũng nhấn mạnh vai trò của logistics quốc tế và quản trị chuỗi cung ứng nhằm tạo nên lợi thế cạnh tranh trong hoạt động thương mại quốc tế.	30	7.5	7.5	45	VI
2.3.1 0.3b	Đàm phán kinh doanh quốc tế/ <i>International Business Negotiations</i>	Môn học Đàm phán kinh doanh quốc tế được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học về kỹ năng đàm phán trong môi trường kinh doanh	30	15	0	45	VI

		quốc tế, là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành kinh tế quốc tế. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đàm phán cũng như các kỹ thuật trong Đàm phán kinh doanh với các đối tác quốc tế, ngoài ra môn học còn trang bị cho sinh viên khả năng áp dụng kỹ năng thương lượng đàm phán kinh doanh trong doanh nghiệp cũng như tại các loại hình tổ chức khác. Nội dung chính của môn học như sau: các khái niệm cơ bản về đàm phán kinh doanh quốc tế, những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả đàm phán kinh doanh quốc tế, các giai đoạn trong tiến trình hoạch định kế hoạch đàm phán kinh doanh, các chiến thuật đàm phán kinh doanh, những kỹ năng cần thiết trong đàm phán kinh doanh					
2.3.1 0.4b	Thanh toán quốc tế/ <i>International Payment</i>	Thanh toán quốc tế là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo Tài chính ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng. Môn học đi sâu vào những nội dung : tổng quan về hoạt động thanh toán quốc tế và nghiệp vụ ngân hàng đại lý; kiến thức thương mại quốc tế liên quan phục vụ cho hoạt động thanh toán quốc tế như Incoterms, hợp đồng ngoại thương, chứng từ tài chính và chứng từ thương mại; kiến thức chuyên sâu về các	30	15	0	45	VI

		phương thức thanh toán quốc tế bao gồm chuyển tiền (trả trước, trả sau, CAD), nhờ thu và tín dụng chứng từ					
2.3.1 1	Học phần thực tập cuối khóa/Internship	Thực tập cuối khóa là học phần bắt buộc trong một chương trình đào tạo và là một công đoạn trong quy trình đào tạo nhằm giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức đã học vào môi trường nghề nghiệp thực tế để hiểu rõ hơn lý thuyết, giúp sinh viên bổ sung các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho tương lai và đóng góp các ý kiến cho đơn vị tại nơi thực tập. Học phần này được bố trí vào giai đoạn cuối của khóa học sau khi sinh viên đã cơ bản tích lũy đủ kiến thức của chương trình đào tạo để có thể hoàn thành tốt yêu cầu chuyên môn đối với học phần này.					
2.3.1 2	Học phần khóa luận tốt nghiệp/Research Paper	Khóa luận tốt nghiệp là một sản phẩm khoa học, phản ánh kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên về lĩnh vực Kinh tế quốc tế. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của người hướng dẫn khoa học, sinh viên sẽ ứng dụng kiến thức ngành Kinh tế quốc tế và phương pháp nghiên cứu khoa học để nghiên cứu một vấn đề thực tiễn. Từ đó gợi ý định hướng hoặc đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện vấn đề phát sinh trong thực tiễn					
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:						

	Sinh viên chọn 2 môn học của phần Kiến thức chuyên ngành chưa học và 1 học phần bổ trợ.						
2.3.1 3	Học phần tự chọn - Bổ trợ ngành và chuyên ngành (Sinh viên chọn 1 trong số các học phần sau)						
2.3.1 3.1	Quản trị dự án quốc tế <i>/International Project Management</i>	Quản trị Dự án Quốc tế là môn học trang bị kiến thức, kỹ năng thực hành trong lĩnh vực quản lý các dự án quốc tế, các chương trình quốc tế, đặc biệt chú trọng các dự án và chương trình đầu tư/kinh doanh đa quốc gia của các tổ chức và doanh nghiệp. Các chủ đề chính bao quát khung kiến thức căn bản về đặc trưng dự án quốc tế, vị trí và mối quan hệ của dự án trong chiến lược quốc tế tổng thể của tổ chức, quy trình quản lý và nội dung các giai đoạn trong quản lý dự án quốc tế, và khảo sát tình huống một số dạng dự án quốc tế tiêu biểu	30	7.5	7.5	45	VII
2.3.1 3.2	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số <i>/ Entrepreneurship In The Digital Age</i>	Môn học là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức và kỹ năng ứng dụng từ các lĩnh vực về quản trị, tài chính, nhân sự, Marketing để hình thành ý tưởng và hiện thực hóa ý tưởng khởi nghiệp. Nội dung bao gồm sáng tạo ý tưởng	25	15	5	45	VII

		khởi nghiệp, lập kế hoạch khởi nghiệp và tổ chức hoạt động khởi nghiệp. Sau khi học xong, sinh viên có được khả năng: 1. Tìm kiếm và đánh giá ý tưởng; 2. Phân tích được thị trường và nhu cầu của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ; 3. Xây dựng được kế hoạch kinh doanh; 4. Triển khai thực hiện kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh; 5. Định hướng trở thành doanh nhân					
2.3.1 3.3	Bảo hiểm/ <i>Insurance</i>	Bảo hiểm là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bao gồm 06 chương nhằm cung cấp những kiến thức chung nhất về bảo hiểm; nắm và xử lý thành thạo các tình huống có liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm như khai thác bảo hiểm, tính phí bảo hiểm, giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng trong những tình huống khác nhau; hiểu và trình bày được những nội dung cần thiết liên quan đến hợp đồng bảo hiểm; phân biệt rõ đặc trưng, nguyên tắc của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ.	35	10	0	45	VII
2.3.1 3.4	Thương mại điện tử/ <i>Electronic Commerce</i>	Môn học cung cấp những kiến thức về thương mại điện tử bao gồm mô hình kinh doanh, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các phương thức tiếp thị điện tử, thanh toán điện tử và bảo mật, môi trường pháp lý, xã hội và đạo đức trong	30	10	5	45	VII

		thương mại điện tử.					
2.3.1 3.5	Quản trị chuỗi cung ứng/ <i>Supply Chain Management</i>	Môn học được xây dựng gồm có các cơ sở khoa học chuỗi cung ứng và việc quản lý chuỗi cung ứng, là học phần thuộc kiến thức ngành Quản trị kinh doanh. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục tiêu, phương pháp, và các kỹ thuật, kỹ năng xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng để người học được cái nhìn tổng quát quản trị doanh nghiệp trước khi đi vào chuyên sâu kỹ thuật quản trị cho nhà quản trị tương lai.	25	15	5	45	VII

11. Kế hoạch đào tạo

11.1. Học kỳ 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1.	MLM306	Triết học Mác – Lênin/ <i>Philosophy of Marxism and Leninism</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
2.	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ <i>Political Economics of Marxism and Leninism</i>	2	Triết học Mác - Lênin	BB	Tiếng Việt
3.		Toán cao cấp 1/ <i>Advanced Mathematic 1</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt
4.	MES302	Kinh tế học vi mô/ <i>Microeconomics</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
5.	MES303	Kinh tế học vĩ	3	Kinh tế học	BB	Tiếng Việt

		mô/ <i>Macroeconomics</i>		vi mô		Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	13			
		Học phần giáo dục quốc phòng – an ninh	8		BB	Tiếng Việt
		Học phần giáo dục thể chất 1	1		BB	Tiếng Việt

11.2. Học kỳ 2

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1.	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/Scientific socialism	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	BB	Tiếng Việt
2.		Toán cao cấp 2/ <i>Advanced Mathematic 2</i>	2	Toán cao cấp 1	BB	Tiếng Việt
3.	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê toán/ <i>Probability and Statistics</i>	3	Toán Kinh tế	BB	Tiếng Việt
4.	LAW301	Pháp Luật Đại Cương/General Law	2	Không	BB	Tiếng Việt
5.	MAG301	Nguyên lý marketing/ <i>Principles of Marketing</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
6.	MAG	Quản trị học/ <i>Fundamentals of management</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
7.	FIN301	Lý thuyết tài chính – tiền tệ/ <i>Theory of finance and money</i>	3	Kinh tế học vĩ mô	BB	Tiếng Việt
8.	SOC301 SOC303 SOC302	Cơ sở văn hóa Việt Nam/ <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i> hoặc Tâm lý học/ <i>Psychology</i> hoặc Logic học/ <i>Logics</i>	2	Không Triết học Mác – Lênin Không	TC	Tiếng Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	20			
9.		Học phần giáo dục thể chất 2	1		BB	Tiếng Việt

11.3. Học kỳ 3

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
-----	-------------	------------------------------	------------	--------------------------	----------------------------	--------------------

1.	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ <i>Ideologies of Ho Chi Minh</i>	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BB	Tiếng Việt
2.	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ <i>History of Vietnamese communist party</i>	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	BB	Tiếng Việt
3.	INE302	Kinh tế học quốc tế/ <i>International Economics</i>	3	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô	BB	Tiếng Việt
4.	LAW 304	Luật kinh doanh/ <i>Business Law</i>	3	Pháp luật đại cương	BB	Tiếng Việt
5.	ITS301	Tin học ứng dụng/ <i>Applied Informatics</i>	3	Chứng chỉ tin học căn bản/Chứng chỉ IC3	BB	Tiếng Việt
6.	ACC301	Nguyên lý kế toán/ <i>Principles of Accounting</i>	3	Kinh tế học vĩ mô	BB	Tiếng Việt
7.	MES301 MES305 MES306	Lịch sử các học thuyết kinh tế/ <i>History of Economic Thought</i> hoặc Kinh tế học phát triển/ <i>Economics of Development</i> hoặc Kinh tế học công cộng/ <i>Public Economics</i>	3	Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô	TC	Tiếng Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	19			
		Học phần giáo dục thể chất 3	1		BB	Tiếng Việt

11.4. Học kỳ 4

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1.	MES310	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ <i>Scientific Research Methodology</i>	3	Không	BB	Tiếng Việt
2.	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ <i>Corporate Finance</i>	3	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ Nguyên lý kế toán	BB	Tiếng Việt
3.	INE314	Nhập môn ngành KTQT/ <i>Introduction of International Economics</i>	2	Không	BB	Tiếng Việt

4.	{9}	Kinh tế lượng/ <i>Econometrics</i>	3	Lý thuyết xác suất thống kê	BB	Tiếng Việt
5.	{9}	Kinh tế vi mô 2/ <i>Microeconomics 2</i>	3	Kinh tế học vi mô	BB	Tiếng Việt
6.		Tiếng Anh chuyên ngành 1/ <i>English for specific purposes 1</i>	3	TOEIC 350, IELTS 3.5, bậc 2 khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc	BB	Tiếng Anh
7.	INE307	Tài chính quốc tế/ <i>International Finance</i>	3	Kinh tế học quốc tế	BB	Tiếng Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	20			
		Học phần giáo dục thể chất 4	1		BB	Tiếng Việt

11.5. Học kỳ 5

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1.	{9}	Kinh tế vĩ mô 2/ <i>Macroeconomics 2</i>	3	Kinh tế vĩ mô	BB	Tiếng Việt
2.	INE311	Đầu tư quốc tế/ <i>International Investment</i>	3	Tài chính doanh nghiệp	BB	Tiếng Việt
3.	MES304	Kinh tế lượng ứng dụng (dành cho ngành KTQT)/ <i>Applied Econometrics (for International Economics)</i>	3	Kinh tế lượng	BB	Tiếng Việt
4.	ENP316_201	Tiếng Anh chuyên ngành 2/ <i>English for specific purposes 2</i>	3	Tiếng Anh chuyên ngành 1	BB	Tiếng Anh
5.	INE315	Chính sách thương mại quốc tế/ <i>International Trade Policy</i>	3	Kinh tế học quốc tế Kinh tế lượng	BB	Tiếng Việt
6.	INE306	Kinh doanh quốc tế/ <i>International Business</i>	3	Kinh tế vi mô; Kinh tế vĩ mô	BB	Tiếng Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	18			

		Học phần giáo dục thể chất 5	1		BB	Tiếng Việt
--	--	------------------------------	---	--	----	------------

11.6. Học kỳ 6

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1.	INE301 MES307	Kinh tế học hội nhập quốc tế/ <i>Economics of International Integration</i> hoặc Kinh tế học đầu tư/ <i>Investment Economics</i>	3	Kinh tế học quốc tế Tài chính doanh nghiệp	TC	Tiếng Việt
2.	INE308	Kỹ thuật ngoại thương/ <i>Foreign Trade Operations</i>	3	Kinh tế vi mô; Kinh tế vĩ mô	BB	Tiếng Việt
		<i>Kiến thức chuyên ngành: Định hướng quản lý và phân tích chính sách</i>				
3.	INE303	Tài chính phát triển/ <i>Development Finance</i>	3	Kinh tế học vĩ mô	BB	Tiếng Việt
4.	INE309	Kinh tế thị trường mới nổi/ <i>Emerging Market Economies</i>	3	Kinh tế học quốc tế, Kinh doanh quốc tế	BB	Tiếng Việt
5.	INE313	Kinh tế học vĩ mô quốc tế/ <i>International Macroeconomics</i>	3	Tài chính quốc tế	BB	Tiếng Việt
6.	MES308	Kinh tế học quản lý/ <i>Managerial Economics</i>	3	Kinh tế lượng	BB	Tiếng Việt
		<i>Kiến thức chuyên ngành: Định hướng quản trị và thương mại quốc tế</i>				
7.	INE310	Chiến lược kinh doanh quốc tế/ <i>International Business Strategy</i>	3	Quản trị học, Kinh doanh quốc tế	BB	Tiếng Việt
8.	INE305	Logistics quốc tế/ <i>International Logistics</i>	3	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô	BB	Tiếng Việt

9.	MAG304	Đàm phán kinh doanh quốc tế/ <i>International Business Negotiations</i>	3	Quản trị học	BB	Tiếng Việt
10.	BAF307	Thanh toán quốc tế/ <i>International Payment</i>	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ	BB	Tiếng Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	18			

11.7. Học kỳ 7

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1.	{9}	Học phần thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	3	Các môn chuyên ngành Kinh tế quốc tế, số tín chỉ chưa đạt thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành trong chương trình đào tạo không được vượt quá 6 tín chỉ. Sinh viên có kỹ năng, phẩm chất của cá nhân và trong nghề nghiệp để ứng dụng tại cơ quan/ đơn vị thực tập	BB	Tiếng Việt
2.		Học phần khóa luận tốt nghiệp/<i>Research Paper</i>	9	Các môn chuyên ngành Kinh tế quốc tế Các môn học về Phương pháp nghiên cứu khoa học, Kinh tế lượng ứng dụng Thỏa các điều kiện để được thực hiện học phần Khóa luận tốt nghiệp theo quy chế đào tạo, bao gồm: + Tích lũy đủ số học phần quy định	BB	Tiếng Việt

				cho chương trình đào tạo, không còn học phần có điểm học phần dưới 5,0 (trừ học phần thực tập tốt nghiệp); + Điểm trung bình chung học tập các học phần thuộc kiến thức ngành/chuyên ngành đạt từ 7,0 trở lên; + Điểm của các học phần có nội dung liên quan đến khóa luận phải đạt 7,0 điểm trở lên. Các trường hợp sinh viên ở mức xấp xỉ (từ 6,5 đến dưới 7,0) có nguyện vọng làm khóa luận tốt nghiệp phải đáp ứng các yêu cầu sau: + Có thành tích nghiên cứu khoa học được ghi nhận trong quá trình học tập; + Có đề cương được Trường Khoa chấp thuận; + Giấy đề nghị viết khóa luận tốt nghiệp có xác nhận của Khoa trình Hiệu trưởng (thông qua Phòng Đào tạo).		
		Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên chọn 2 môn học của phần Kiến thức chuyên ngành chưa học và 1 học phần bổ trợ.				

		<i>Học phân tự chọn - Bổ trợ ngành và chuyên ngành</i> (Sinh viên chọn 1 trong số các học phần sau)				
3.	INE309	Quản trị dự án quốc tế/ <i>International Project Management</i>	3	Không	TC	Tiếng Việt
4.	MAG317	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số / <i>Entrepreneurship In The Digital Age</i>	3	Tài chính Doanh nghiệp	TC	Tiếng Việt
5.	FIN312	Bảo hiểm/ <i>Insurance</i>	3	Lý thuyết tài chính doanh nghiệp; Thị trường TC & các định chế TC	TC	Tiếng Việt
6.	IT017	Thương mại điện tử/ <i>Electronic Commerce</i>	3	Không	TC	Tiếng Việt
7.	MAG307	Quản trị chuỗi cung ứng/ <i>Supply Chain Management</i>	3	Quản trị học và Nguyên lý Marketing	TC	Tiếng Việt
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	15			

12. Hướng dẫn thực hiện

12.1. Thay thế Khóa luận tốt nghiệp: Trường hợp sinh viên không thực hiện học phần Khóa luận tốt nghiệp, nhóm các môn học thay thế phải có tổng số tín chỉ tương đương 9.

12.2. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng: Là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành), không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

12.3. Các môn học tiếng Anh: Không thiết kế các học phần tiếng Anh căn bản vào Chương trình đào tạo. Tiếng Anh chuyên ngành gồm 2 học phần với tổng số 5 đơn vị tín chỉ: Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 đvtc) và Tiếng Anh chuyên ngành 2 (3 đvtc).

12.4. Chuẩn tiếng Anh và Tin học:

+ Điều kiện để học học phần Tin học ứng dụng: Sinh viên phải có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (hoặc các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường) trở lên, hoặc đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ Tin học đầu khóa

do Trường tổ chức. Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

+ Chuẩn Tin học đầu ra: Sinh viên phải có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao (hoặc các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường). Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường

+ Điều kiện để học học phần tiếng Anh chuyên ngành: Sinh viên phải đạt điểm theo yêu cầu của Trường thông qua kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa, hoặc các điểm tiếng Anh quốc tế tương đương A2 (TOEIC 350, IELTS 3.5 ...). Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ/chứng chận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

+ Chuẩn tiếng Anh đầu ra: Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ/chứng chận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



★ **Nguyễn Đức Trung**